

Bản án số: 21/2021/HS-ST  
Ngày 12/3/2021

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông Hoàng Văn Thụ.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Đàm Văn Hữu

Bà Lục Thị Nga

**- Thư ký phiên toà:** Ông Đinh Quang Toàn, Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Cao Bằng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên toà:** Ông Linh Đức Hợp, Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 07/2021/TLST-HS ngày 15 tháng 01 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 131 /2021/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 02 năm 2021 đối với các bị cáo:

**1. Họ và tên: Lưu Ngọc T**, sinh ngày 13/9/2000 tại huyện T, Cao Bằng. Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: xóm L, xã N, huyện T, Cao Bằng; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá: lớp 6/12 phổ thông; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lưu Văn H, sinh năm 1979 và bà Lục Thị N, sinh năm 1976, Vợ: chưa có; Bị cáo có 02 anh em ruột, là con thứ 2 trong gia đình; tiền án, tiền sự: không .

Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/9/2020, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Cao Bằng; có mặt.

**2. Họ và tên: Lưu Văn T**, sinh ngày 15/5/1975 tại huyện T, Cao Bằng. Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: xóm L, xã N, huyện T, Cao Bằng; nghề nghiệp: Làm

ruộng; trình độ văn hoá: Không biết chữ; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lưu Văn N (đã chết), con bà Triệu Thị Y (đã chết); vợ: Đinh Thị P, sinh năm 1976; con: Có 03 con, lớn sinh năm 1997, nhỏ sinh năm 2010; bị cáo có 05 anh em ruột, là con thứ 2 trong gia đình; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo đang được áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú tại xóm L, xã N, huyện T, Cao Bằng; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Lưu Ngọc T:* Bà Hà Thị Hạnh, trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Cao Bằng; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Lưu Văn T:* Bà Nguyễn Thị Dạ Thảo, trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Cao Bằng; có mặt.

- *Những người làm chứng.*

1. Nông Văn B, sinh năm 1989.

Trú tại: Xóm H, xã Đ, huyện T, Cao Bằng.

2. Nông Văn S, sinh năm 1997.

Trú tại: Xóm H, xã Đ, huyện T, Cao Bằng.

3. Nông Văn B1, sinh năm 1997.

Trú tại: Xóm H, xã Đ, huyện T, Cao Bằng.

4. Phan Văn T, sinh năm 1970.

Trú tại: xóm T, xã N, huyện T, Cao Bằng.

5. Dương Thị Minh T, sinh năm 1998.

Trú tại: tổ x, Phường P, Thành phố Huế.

6. Lê Trung D, sinh năm 2001.

Trú tại: xã H, huyện H, Thanh Hóa.

7. Đỗ Thị T, sinh năm 2002.

Trú tại: xã H1, Huyện H, Thanh Hóa.

8. Lê Văn T, sinh năm 2003.

Trú tại: xã H2, Huyện H, Thanh Hóa.

9. Đặng Hải B, sinh năm 1990.

Trú tại: Thôn T, xã Q, huyện P, Hưng Yên.

10. Trương Thị V, sinh năm 2005.

Trú tại: Thôn x, xã H1, Huyện H, Thanh Hóa.

11. Phạm Thị N, sinh năm 1969.

Trú tại: Đội x, xã H, huyện T, tỉnh Hải Dương.

12. Ngô Thị T, sinh năm 1961.

Trú tại: Thôn P, xã S, Thành phố B, tỉnh Bắc Giang,

13. Trần Thị H, sinh năm 1986.

Trú tại: Thôn N, xã L, huyện L, Vĩnh Phúc.

14. Tô Thị N, sinh năm 1984.

Trú tại: Thôn L, xã C, huyện V, tỉnh Lạng Sơn.

15. Nguyễn Xuân B, sinh năm 1994.

Trú tại: xã H, huyện H, Thanh Hóa.

*(Những người làm chứng được triệu tập đều vắng mặt tại phiên tòa).*

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 08 giờ ngày 04/9/2020, tại khu vực L, xóm B, xã N, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Tổ tuần tra Đồn Biên phòng NC đang làm nhiệm vụ tại khu vực mốc 797 sang mốc 798 phát hiện một nhóm người đang tụ tập hướng ra biên giới Việt - Trung, tổ công tác đã tiến hành kiểm tra các công dân này đều không có giấy tờ tùy thân gồm: Nông Văn B sinh năm 1989; Nông Văn B1 sinh năm 1997; Nông Văn S sinh năm 1997 đều ở huyện T, tỉnh Cao Bằng; Lê Văn T sinh năm 2003; Nguyễn Xuân B sinh năm 1994; Lê Trung D sinh năm 2001; Trương Thị V sinh năm 2005; Đỗ Thị T sinh năm 2002 đều ở tỉnh Thanh Hóa; Dương Thị Minh T sinh năm 1998 ở Thành phố Huế; Đặng Hải B sinh năm 1990 ở tỉnh Hưng Yên; Tô Thị N sinh năm 1984 ở tỉnh Lạng Sơn; Phạm Thị N sinh năm 1969 ở tỉnh Hải Dương; Ngô Thị T sinh năm 1961 ở tỉnh Bắc Giang; Trần Thị H sinh năm 1986 ở Vĩnh Phúc.

Mở rộng điều tra vụ án đã xác định được như sau: Ngày 01/9/2020 Lưu Văn T nhận được cuộc gọi từ số điện thoại 0973.234.316 của một người đàn ông không rõ họ tên địa chỉ, người này đặt vấn đề thuê Lưu Văn T đón và đưa người xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc, để làm được việc này thì phải có hai người cùng thực hiện. Lúc này có Lưu Ngọc T đang ngồi ở nhà Lưu Văn T nên Lưu Văn T nói lại nội dung trao đổi với người đàn ông cho Lưu Ngọc T biết, đồng thời Lưu Văn T lấy điện thoại của mình có gắn sim 0862.061.798 bảo Lưu Ngọc T gọi lại cho người đàn ông trên để thống nhất hai bên thỏa thuận tiền công là 300CNY/1 người, Lưu Văn T và Lưu Ngọc T đồng ý. Khoảng 17h30 phút ngày 03/9/2020 người đàn ông trên gọi điện cho Lưu Văn T đón 16 người rồi Lưu Văn T đi xe máy sang đón Lưu Ngọc T, do phải đưa người đi qua sông nên Lưu Văn T và Lưu Ngọc T vào nhà Phan Văn T sinh năm 1970 trú tại xóm T, xã N, huyện T, Cao Bằng để thuê Phan Văn T chở người qua sông nhưng Lưu Văn T không cho Phan Văn T biết nhóm

người trên xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc nên Phan Văn T đồng ý, sau đó Lưu Văn T đèo Lưu Ngọc T bằng xe máy đến HP và bảo Lưu Ngọc T đợi còn Lưu Văn T đi về nhà cất xe máy và đi ra bờ sông nơi Lưu Ngọc T ngồi đón người. Khoảng 19h30 phút cùng ngày có hai xe ô tô không rõ BKS đi đến bờ sông QS và có 16 người xuống xe, Lưu Ngọc T đón và cùng nhóm người di chuyển ra bờ sông thì có hai vợ chồng kêu đau bụng không đi và quay về, còn 14 người vẫn theo Lưu Ngọc T; Khi gặp Phan Văn T do không có tiền trả nên Lưu Ngọc T gọi cho người đàn ông thuê đón dẫn đường, một lúc sau Nông Văn B người trong nhóm nhận được điện thoại từ số máy 0973.234.316 người này bảo Nông Văn B đưa Lưu Ngọc T số tiền 2.100CNY (nhân dân tệ), nên Nông Văn B1 và Nông Văn S đưa cho Nông Văn B mỗi người 700CNY, phần Nông Văn B bỏ ra 700CNY đưa cho Lưu Ngọc T 2.100CNY, Lưu Ngọc T đưa cho Phan Văn T 600CNY; nhóm người này đi xuống qua sông, Lưu Văn T đón và cùng Lưu Ngọc T dẫn đi theo đường mòn, đi bộ khoảng 10km đến 5 giờ sáng ngày 04/9/2020 thì đến mốc 798, khi đang chờ người bên Trung Quốc đến đón Lưu Ngọc T đưa cho Lưu Văn T 500CNY, sau đó Lưu Ngọc T đi tìm mua ma túy về sử dụng, còn Lưu Văn T nghỉ sau một tảng đá cách đó khoảng 15m; đến khoảng 7giờ sáng thì bị Bộ đội Biên phòng phát hiện và đưa 14 người cùng Lưu Ngọc T về đồn Biên phòng NC để làm rõ.

Hành vi của các bị cáo Lưu Ngọc T và Lưu Văn T đã bị Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Cao Bằng lập hồ sơ đề nghị truy cứu trách nhiệm hình sự.

Ngày 11-01-2021, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng đã ra Cáo trạng số: 10/CTr-VKSCB(P1) truy tố bị cáo Lưu Ngọc T và Lưu Văn T về tội “*Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép*” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 348 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo Lưu Ngọc T và Lưu Văn T đã khai nhận hành vi phạm tội, thừa nhận cáo trạng truy tố các bị cáo về tội “*Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép*” là đúng với hành vi của bị cáo.

Kết thúc phần xét hỏi, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa trình bày lời luận tội và khẳng định quyết định truy tố đối với Lưu Ngọc T và Lưu Văn T về tội “*Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép*” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 348 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ. Đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố cả 2 bị cáo về tội danh, điều luật đã viện dẫn nêu trên.

Về hình phạt: Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 348; điều 17; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Lưu Ngọc T từ 07 năm 06 tháng đến

08 năm tù; Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 348; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Lưu Văn T từ 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung cả hai bị cáo;

Về xử lý vật chứng: Tịch thu phát mại lấy tiền nộp Ngân sách Nhà nước điện thoại di động của các bị cáo dùng để liên lạc; Truy thu số tiền thu lợi bất chính có được từ việc phạm tội để nộp ngân sách Nhà nước; tịch thu, tiêu hủy vật chứng không có giá trị sử dụng. Các bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định.

*Người bào chữa cho bị cáo Lưu Ngọc T trình bày luận cứ:* Nhất trí với bản cáo trạng và luận tội của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng. Trong vụ án này các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn, quá trình điều tra, truy tố và xét xử các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; Đề nghị áp dụng điểm s, t khoản 1; khoản 2 điều 51 và khoản 1 điều 54 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Lưu Ngọc T dưới mức thấp nhất của do Viện kiểm sát đề nghị vì bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ.

*Người bào chữa cho bị cáo Lưu Văn T trình bày luận cứ:* Nhất trí với cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo về tội “Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép”. Tuy nhiên xem xét hoàn cảnh phạm tội của bị cáo Lưu Văn T sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, nhận thức pháp luật hạn chế (không biết chữ). Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu. Về vai trò: Các bị cáo phạm tội trong trường hợp đồng phạm giản đơn; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã tự nguyện nộp toàn bộ số tiền thu lợi bất chính cho Nhà nước, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo Lưu Văn T được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1; khoản 2 Điều 51 (tự nguyện hoàn lại số tiền 1.699.440đ do phạm tội mà có), đề nghị xử phạt bị cáo Lưu Văn T mức án thấp nhất theo đề nghị của Viện kiểm sát.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng đối đáp quan điểm của Trợ giúp pháp lý bào chữa cho bị cáo Lưu Ngọc T và Lưu Văn T: Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên mức hình phạt đề nghị đối với hai bị cáo, không chấp nhận quan điểm của người bào chữa đề nghị phạt bị cáo dưới khung hình phạt vì không có căn cứ.

Các bị cáo không có lời bào chữa bổ sung, không tranh luận với Kiểm sát viên. Trong lời nói sau cùng, các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Cao Bằng, Điều tra viên, của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên toà, các bị cáo Lưu Ngọc T, Lưu Văn T và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội: Lời khai nhận tội của các bị cáo Lưu Văn T và Lưu Ngọc T hoàn toàn phù hợp với bản tự khai, biên bản ghi lời khai về quá trình thực hiện hành vi phạm tội và phù hợp với lời khai của những người làm chứng, cùng các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án đủ căn cứ kết luận: Vào ngày 01/9/2020, Lưu Văn T nhận được điện thoại từ một người đàn ông không quen biết bảo Lưu Văn T đón và đưa người xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc, Lưu Văn T đồng ý và rủ thêm Lưu Ngọc T cùng thống nhất với người đàn ông đưa được một người xuất cảnh trót lọt sẽ được hưởng 300CNY/1 người; sau khi đưa được 14 người qua sông QS thì Lưu Ngọc T đã nhận tiền từ Nông Văn B 2.100CNY và trả tiền xuống cho Phan Văn T là 600CNY, khi nhóm người đến mốc 798 Lưu Ngọc T đưa cho Lưu Văn T 500CNY; số còn lại 1.000CNY Lưu Ngọc T dùng để chi tiêu cá nhân.

Các nhân chứng Nông Văn B; Nông Văn B1; Nông Văn S; Lê Văn T; Nguyễn Xuân B; Lê Trung D; Trương Thị V; Đỗ Thị T; Dương Thị Minh T; Đặng Hải B; Tô Thị N; Phạm Thị N; Ngô Thị T; Trần Thị H đã khai nhận về hành vi phạm tội của các bị cáo và phù hợp với các tài liệu đã thu thập được trong hồ sơ vụ án.

Theo tỷ giá hối đoái của ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh tỉnh Cao Bằng thì 01CNY tại thời điểm từ ngày 03/9/2020 đến 04/9/2020 có giá là 3.399,48đồng. Như vậy Lưu Văn T phải chịu trách nhiệm số tiền 500CNY x 3.399,48đồng = 1.699.740đồng; Lưu Ngọc T phải chịu trách nhiệm số tiền 1.000CNY x 3.399,48đồng = 3.399.480đồng; còn Phan Văn T đã tự giác giao nộp số tiền 1.800.000đ cho Cơ quan điều tra.

Khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, động cơ, mục đích phạm tội là nhằm vụ lợi từ việc đưa người xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc lao động làm thuê. Hành vi của các bị cáo đã có đủ yếu tố cấu thành tội phạm, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng truy tố các bị cáo về tội “*Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép*” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 348 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ đúng pháp luật.

Hành vi đưa người xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc của Lưu Ngọc T và Lưu Văn T là nghiêm trọng, đã xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính trong lĩnh vực xuất nhập cảnh; gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội tại địa phương. Đặc biệt xảy ra trong thời gian cả nước đang thực hiện công tác phòng chống dịch bệnh Covid - 19 và sự chỉ đạo của các ngành các cấp đối với hoạt động ngăn chặn, đấu tranh với các hành vi xuất cảnh, nhập cảnh trái phép qua biên giới. Do đó cần phải có mức hình phạt nghiêm khắc, cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định để xử lý nghiêm người phạm tội, đồng thời tuyên truyền pháp luật trong quần chúng nhân dân về hành vi xuất nhập cảnh trái phép nói chung.

[3] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Tình tiết tăng nặng: không có

- Tình tiết giảm nhẹ:

+ Bị cáo Lưu Ngọc T: Người phạm tội thành khẩn khai báo (điểm s khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự; Bị cáo tự nguyện nộp số tiền do thu lợi bất chính để nộp ngân sách Nhà nước (khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự);

+ Bị cáo Lưu Văn T: Người phạm tội thành khẩn khai báo (điểm s khoản 1 điều 51 BLHS); Bị cáo tự nguyện nộp số tiền do thu lợi bất chính mà có để nộp ngân sách Nhà nước (khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự);

Mức hình phạt do Kiểm sát viên đề nghị có căn cứ pháp luật phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo, trong đó bị cáo Lưu Ngọc T mức phạt cao hơn so với bị cáo Lưu Văn T là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo không có thu nhập và hoàn cảnh khó khăn không thi hành án được nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[5] Về xử lý vật chứng:

*Tịch thu phát mại lấy tiền nộp ngân sách Nhà nước:*

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Masstel dạng bàn phím màu xanh đen đã qua sử dụng, có số IMEL ở nắp pin: 358414102798197;
- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia dạng bàn phím màu đen đã qua sử dụng. Máy bật không lên nguồn, không kiểm tra chi tiết bên trong.

*Tịch thu số tiền do các bị cáo phạm tội mà có để nộp ngân sách nhà nước:*

- Tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam: 1.800.000đ (Một triệu tám trăm nghìn đồng) của Phan Văn T .
- Số tiền Trung Quốc 100CNY của bị cáo Lưu Ngọc T;
- Bị cáo Lưu Văn T số tiền 500CNY tương đương với số tiền 1.699.740 đồng để nộp ngân sách Nhà nước.

*Truy thu* của bị cáo Lưu Ngọc T số tiền 3.399.480 đồng để nộp ngân sách nhà nước:

[6] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Trong vụ án này, người đàn ông Trung Quốc không biết tên địa chỉ được liên lạc với Lưu Văn T qua số thuê bao 0793234316 để đưa người sang Trung Quốc trái phép, tuy nhiên qua xác minh chủ thuê bao là Nguyễn Đức T, tuy nhiên Nguyễn Đức T không liên quan và liên lạc số điện thoại trên nên Cơ quan điều tra không đủ căn cứ để xử lý Tuyến.

Đối với Phan Văn T được trả công 600CNY để chở người qua sông nhưng Phan Văn T không biết Lưu Văn T và Lưu Ngọc T đưa người xuất cảnh trái phép và Phan Văn T đã nộp lại số tiền trên, hành vi của Phan Văn T không đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên Cơ quan điều tra không xử lý là có căn cứ.

Đối với các đối tượng có hành vi xuất cảnh trái phép, Cơ quan điều tra đã có văn bản gửi đến chính quyền địa phương nơi các đối tượng cư trú để nhắc nhở, răn đe, xử lý theo quy định.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

### Tuyên bố:

1. Bị cáo Lưu Ngọc T và Lưu Văn T phạm tội “*Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép*”.

### 2. Về hình phạt:

+ Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 348; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lưu Ngọc T **07 năm 06 tháng** (*Bảy năm sáu tháng*) tù, thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt, tạm giam là ngày 04/9/2020.

+ Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 348; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lưu Văn T **07(Bảy)** năm tù, thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bị cáo đi trại chấp hành bản án.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- *Tịch thu phát mại lấy tiền nộp ngân sách Nhà nước:*

+ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Masstel dạng bàn phím màu xanh đen đã qua sử dụng, có số IMEI ở nắp pin: 358414102798197 của bị cáo Lưu Ngọc T;

+ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia dạng bàn phím màu đen đã qua sử dụng của bị cáo Lưu Văn T.

- Tịch thu số tiền 1.800.000đ (Một triệu tám trăm nghìn đồng) của Phan Văn T để nộp ngân sách Nhà nước.

- Tịch thu số tiền Trung Quốc: 100CNY của Lưu Ngọc T để nộp ngân sách Nhà nước;

(Xác nhận toàn bộ các vật chứng nêu trên đã được chuyển giao cho Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng tại Biên bản giao nhận vật chứng số: 40 ngày 12 tháng 01 năm 2021).

- *Truy thu* của bị cáo Lưu Văn T số tiền 1.699.740 đồng do phạm tội mà có để nộp ngân sách Nhà nước (Xác nhận bị cáo Lưu Văn T đã nộp đủ số tiền trên tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng vào ngày 27/01/2021);

- *Truy thu* bị cáo Lưu Ngọc T số tiền 3.399.480 đồng do phạm tội mà có để nộp ngân sách Nhà nước. (Xác nhận bị cáo Lưu Ngọc T đã nộp đủ số tiền trên tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng vào ngày 12/3/2021);

4. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Lưu Ngọc T và Lưu Văn T mỗi người phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng nộp ngân sách Nhà nước.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo Lưu Ngọc T và Lưu Văn T có quyền kháng cáo bản án hình sự sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án ./.

***Nơi nhận:***

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Cao Bằng;
- Cơ quan ANĐT công an tỉnh;
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh CB;
- Sở Tư pháp CB;
- Phòng KTNV&THA;
- Cục THA dân sự;
- Bị cáo;
- Người bào chữa;
- Lưu HS vụ án;
- Lưu toà HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hoàng Văn Thụ**